

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No 167/2025/TB-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
 - Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV
 - Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNX50
 - Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSV50
 - Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 29/07/2025
 - Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF
- Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
1	ACB	5,200	4.91%
2	CTG	900	1.63%
3	DCM	100	0.14%
4	DGC	200	0.84%
5	DIG	500	0.46%
6	DPM	100	0.17%
7	EIB	1,700	1.98%
8	FPT	1,600	7.05%
9	FRT	100	0.62%
10	GEX	700	1.59%
11	GMD	400	0.93%
12	HCM	400	0.43%
13	HDB	2,900	3.27%
14	HPG	4,700	4.90%
15	HSG	500	0.38%
16	IDC	200	0.37%
17	KBC	600	0.71%
18	KDH	700	0.81%
19	LPB	3,200	4.63%
20	MBB	3,700	4.21%
21	MSB	2,600	1.51%
22	MSN	800	2.46%
23	MWG	1,200	3.34%
24	NLG	300	0.51%



25	PDR	500	0.44%
26	PLX	100	0.15%
27	PNJ	300	1.02%
28	POW	600	0.35%
29	PVD	300	0.26%
30	PVS	200	0.27%
31	SAB	100	0.20%
32	SHB	3,800	2.42%
33	SHS	900	0.73%
34	SSB	2,000	1.67%
35	SSI	1,500	2.13%
36	STB	2,100	4.08%
37	TCB	5,100	7.19%
38	TPB	1,400	0.91%
39	VCB	1,000	2.49%
40	VCG	400	0.42%
41	VCI	400	0.71%
42	VHM	1,100	4.16%
43	VIB	2,600	1.94%
44	VIC	1,200	5.49%
45	VJC	300	1.51%
46	VND	1,200	1.07%
47	VNM	900	2.26%
48	VPB	4,400	4.37%
49	VPI	100	0.22%
50	VRE	1,000	1.16%
I	Chứng khoán/Stock	2,410,600,000	95.46%
II	Tiền/Cash(VND)	114,652,772	4.54%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,525,252,772	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2,410,600,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	2,525,252,772
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	114,652,772

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	ACB	23,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	HCM	27,150	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	HDB	28,450	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
4	MBB	28,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
5	MWG	70,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	PNJ	86,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	SSI	35,800	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
8	TCB	35,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	VCI	44,950	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
10	VIB	18,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
11	VND	22,600	VNDS	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 29/07/2025	Kỳ trước/Last Period(**) 28/07/2025	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	1.00	-1.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	5,300,000.00	5,300,000.00	0.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	24,380.00	25,200.00	-820.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	136,363,649,698.00	136,003,501,648.00	360,148,050.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2,525,252,772.00	2,472,790,939.00	52,461,833.00
của 1 CCQ/ per Share	25,252.52	24,727.90	524.62
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,702.99	2,837.24	-134.25

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 28/07/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 27/07/2025

Đại diện tổ chức
Organization representative



Trần Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC